

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ
Số: 21/2007/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Cần Thơ, ngày 28 tháng 6 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về việc thay đổi, cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc, xác định lại giới tính, bổ sung hộ tịch, điều chỉnh hộ tịch

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Nghị định 158/2005/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch;

Căn cứ Nghị định số 76/2006/NĐ-CP ngày 02 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tư pháp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về việc thay đổi, cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc, xác định lại giới tính, bổ sung hộ tịch, điều chỉnh hộ tịch.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày và đăng Báo Cần Thơ chậm nhất là 05 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, giám đốc sở, thủ trưởng cơ quan, ban ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, xã, phường, thị trấn có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Võ Thanh Tòng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Về việc thay đổi, cải chính hộ tịch, xác định lại
dân tộc, xác định lại giới tính, bổ sung hộ tịch, điều chỉnh hộ tịch**

(Ban hành theo Quyết định số 21/2007/QĐ-UBND

ngày 28 tháng 6 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Công dân Việt Nam, người Việt Nam định cư tại nước ngoài, người nước ngoài và người không quốc tịch có đủ điều kiện để thay đổi, cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc, xác định lại giới tính, bổ sung hộ tịch, điều chỉnh hộ tịch theo quy định của pháp luật về hộ tịch thì được đăng ký thay đổi họ, tên, chữ đệm; cải chính những nội dung đã được đăng ký trong Sổ đăng ký khai sinh và bản chính Giấy khai sinh, nhưng có sai sót trong khi đăng ký; xác định lại dân tộc; xác định lại giới tính; bổ sung những nội dung chưa được đăng ký trong Sổ đăng ký khai sinh và bản chính Giấy khai sinh; điều chỉnh những nội dung trong sổ đăng ký hộ tịch và các giấy tờ hộ tịch khác, không phải Sổ đăng ký khai sinh và bản chính Giấy khai sinh.

Điều 2. Sở Tư pháp, Ủy ban nhân dân quận, huyện, xã, phường, thị trấn có thẩm quyền giải quyết thay đổi, cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc, xác định lại giới tính, bổ sung hộ tịch, điều chỉnh hộ tịch có trách nhiệm tạo điều kiện để cá nhân thực hiện quyền và nghĩa vụ đăng ký hộ tịch theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Cá nhân có yêu cầu xin thay đổi, cải chính hộ tịch, xác nhận lại dân tộc, xác định lại giới tính, bổ sung hộ tịch, điều chỉnh hộ tịch thì nộp hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của cơ quan quản lý nhà nước về hộ tịch; công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu các loại giấy tờ có liên quan theo quy định của pháp luật; đồng thời, tuân thủ các quy định về cải cách hành chính đối với công tác đăng ký và quản lý hộ tịch.

Điều 4. Việc đăng ký, kiểm tra và xử lý các vi phạm về thay đổi, cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc, xác định lại giới tính, bổ sung hộ tịch, điều chỉnh hộ tịch phải được thực hiện một cách chính xác, kịp thời và khách quan theo quy định của pháp luật về hộ tịch và Quy định này.

Chương II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 5. Thay đổi hộ tịch

Thay đổi họ, tên, chữ đệm đã được đăng ký đúng trong Sổ đăng ký khai sinh và bản chính Giấy khai sinh, nhưng cá nhân có yêu cầu thay đổi khi có lý do chính đáng trong các trường hợp sau:

1. Theo yêu cầu của người có họ, tên mà việc sử dụng họ, tên đó gây nhầm lẫn, ảnh hưởng đến tình cảm gia đình, đến danh dự, quyền, lợi ích hợp pháp của người đó;
2. Theo yêu cầu của cha nuôi, mẹ nuôi về việc thay đổi họ, tên cho con nuôi hoặc khi người con nuôi thôi không làm con nuôi và người này hoặc cha đẻ, mẹ đẻ yêu cầu lấy lại họ, tên mà cha đẻ, mẹ đẻ đã đặt;
3. Theo yêu cầu của cha đẻ, mẹ đẻ hoặc người con khi xác định cha, mẹ cho con;
4. Thay đổi họ cho con từ họ của cha sang họ của mẹ hoặc ngược lại;
5. Thay đổi họ, tên của người bị lưu lạc đã tìm ra nguồn gốc huyết thống của mình;
6. Thay đổi họ, tên của người được xác định lại giới tính;
7. Các trường hợp khác do pháp luật về hộ tịch quy định.

Điều 6. Cải chính hộ tịch

Cải chính những nội dung đã được đăng ký trong Sổ đăng ký khai sinh và bản chính Giấy khai sinh, nhưng có sai sót trong khi đăng ký, bao gồm:

1. Cải chính ngày, tháng, năm sinh khi có sự sai sót trong Sổ đăng ký khai sinh và bản chính Giấy khai sinh do ghi chép của cán bộ hộ tịch - tư pháp hoặc do đương sự khai báo nhầm lẫn;

2. Trường hợp khi phát hiện sai sót trong giấy khai sinh hoặc trong Sổ đăng ký khai sinh (nơi sinh, dân tộc, quốc tịch, quê quán, giới tính, phần khai về cha, mẹ) đã được đăng ký;

3. Ngoài các trường hợp nêu tại khoản 1 và khoản 2 Điều này nếu việc yêu cầu cải chính hộ tịch mà có lý do chính đáng, phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh thực tế của từng người và hồ sơ hợp lệ, đúng thủ tục quy định thì cơ quan Tư pháp xem xét, đề xuất ý kiến trình cấp có thẩm quyền quyết định.

Điều 7. Xác định lại dân tộc

Xác định lại dân tộc của người con theo dân tộc của người cha hoặc dân tộc của người mẹ trong những trường hợp sau:

1. Cá nhân khi sinh ra được xác định dân tộc theo dân tộc của cha đẻ, mẹ đẻ. Trong trường hợp cha đẻ và mẹ đẻ thuộc hai dân tộc khác nhau thì dân tộc của người con được xác định là dân tộc của cha đẻ hoặc dân tộc của mẹ đẻ theo tập quán hoặc theo thỏa thuận của cha đẻ, mẹ đẻ.

2. Người đã thành niên, cha đẻ và mẹ đẻ hoặc người giám hộ của người chưa thành niên có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định lại dân tộc trong các trường hợp sau đây:

a) Xác định lại theo dân tộc của cha đẻ hoặc mẹ đẻ, nếu cha đẻ, mẹ đẻ thuộc hai dân tộc khác nhau;

b) Xác định lại theo dân tộc của cha đẻ, mẹ đẻ trong trường hợp làm con nuôi của người thuộc dân tộc khác mà được xác định theo dân tộc của cha nuôi, mẹ nuôi do không biết cha đẻ, mẹ đẻ là ai.

3. Trong trường hợp cha đẻ, mẹ đẻ hoặc người giám hộ của người chưa thành niên yêu cầu xác định lại dân tộc cho người chưa thành niên từ đủ mười lăm tuổi trở lên thì phải được sự đồng ý của người chưa thành niên đó.

Điều 8. Xác định lại giới tính

Xác định lại giới tính của một người trong trường hợp giới tính của người đó bị khuyết tật bẩm sinh hoặc chưa định hình chính xác mà cần có sự can thiệp của y học nhằm xác định rõ về giới tính.

Điều 9. Bổ sung hộ tịch

Bổ sung những nội dung chưa được đăng ký trong Sổ đăng ký khai sinh và bản chính Giấy khai sinh, bao gồm:

1. Các nội dung về ngày, tháng sinh, quê quán, dân tộc, quốc tịch, giới tính và phần khai về cha mẹ (trừ trường hợp con ngoài giá thú) chưa được đăng ký trong Sổ đăng ký khai sinh và bản chính Giấy khai sinh thì được khai bổ sung.

2. Trong trường hợp giấy khai sinh của một người đã ghi năm sinh mà không ghi ngày, tháng sinh; nay người đó có yêu cầu bổ sung, thì ngày, tháng sinh được xác định như sau:

a) Đối với những người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân như: sổ hộ khẩu, giấy chứng minh nhân dân, học bạ, văn bằng, lý lịch cán bộ công chức, lý lịch đảng viên mà trong các hồ sơ, giấy tờ đó đã ghi thống nhất về ngày, tháng sinh thì xác định theo ngày, tháng sinh đó. Trường hợp ngày, tháng sinh ghi trong các hồ sơ, giấy tờ nói trên của người đó không thống nhất thì xác định theo ngày, tháng sinh trong hồ sơ, giấy tờ được lập đầu tiên;

b) Đối với những người chưa có hồ sơ, giấy tờ cá nhân hoặc đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân, nhưng trong hồ sơ, giấy tờ cá nhân cũng không ghi ngày, tháng sinh thì ngày, tháng sinh được xác định theo lời khai của đương sự. Riêng trường hợp bổ sung ngày, tháng sinh cho trẻ em, thì ngày, tháng sinh của trẻ được xác định theo cam kết của cha, mẹ đẻ;

c) Trong trường hợp không xác định được ngày, tháng sinh theo hai trường hợp trên thì ngày, tháng sinh là ngày 01 tháng 01 của năm đó.

Điều 10. Điều chỉnh những nội dung trong sổ đăng ký hộ tịch và các giấy tờ hộ tịch khác

1. Khi cá nhân có yêu cầu điều chỉnh những nội dung đã được đăng ký trong sổ hộ tịch và các giấy tờ hộ tịch khác (không phải Sổ đăng ký khai sinh và bản chính Giấy khai sinh) thì Ủy ban nhân dân cấp xã, nơi đã đăng ký hộ tịch căn cứ vào bản chính Giấy khai sinh để điều chỉnh những nội dung đó cho phù hợp với nội dung tương ứng trong bản chính Giấy khai sinh.

2. Điều chỉnh nội dung của sổ hộ tịch và giấy tờ hộ tịch khác không liên quan đến nội dung khai sinh, thì Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ vào những giấy tờ có liên quan do đương sự xuất trình để điều chỉnh. Trong trường hợp việc đăng ký hộ tịch trước đây do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện, nhưng sổ hộ tịch chỉ còn lưu tại Ủy ban nhân dân cấp huyện, thì Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện việc điều chỉnh.

3. Xử lý một số trường hợp:

a) Giấy khai sinh và sổ hộ khẩu khớp với nhau (có trước học bạ, văn bằng) nhưng không khớp với học bạ, văn bằng thì phải căn cứ vào giấy khai sinh và sổ hộ khẩu để điều chỉnh học bạ, văn bằng;

b) Trường hợp không khớp giữa giấy khai sinh (đúng hạn), sổ hộ khẩu và học bạ, văn bằng thì phải căn cứ vào giấy khai sinh có tên trong sổ đăng ký khai sinh để chỉnh lý sổ hộ khẩu và học bạ, văn bằng và ngược lại hộ khẩu lập trước khai sinh (có sổ đăng ký khai sinh) thì chỉnh lý khai sinh, học bạ và văn bằng theo hộ khẩu;

c) Trường hợp có hai hoặc nhiều giấy khai sinh không khớp với nhau về nội dung (khai sinh cùng số hoặc khác số), một số giấy tờ khớp với khai sinh này, một số giấy tờ khớp với khai sinh khác thì Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (gọi tắt là cấp xã) ra quyết định thu hồi giấy khai sinh không có tên trong sổ đăng ký khai sinh; giấy khai sinh còn lại (có tên trong sổ đăng ký khai sinh) là căn cứ để điều chỉnh các giấy tờ khác.

Nếu các giấy khai sinh đều có tên trong sổ đăng ký khai sinh thì Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định thu hồi các giấy khai sinh cấp sau, giấy khai sinh còn lại là căn cứ để điều chỉnh các giấy tờ khác. Nếu đương sự có các giấy khai sinh đều không có tên trong sổ đăng ký khai sinh thì Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cấp giấy khai sinh quyết định thu hồi và cho đăng ký lại khai sinh theo hộ khẩu, chứng minh nhân dân;

d) Các trường hợp thuộc phạm vi được phép cải chính hộ tịch theo quy định tại Nghị định 158/2005/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ và theo Quy định này, sau khi có quyết định cho phép cải chính hộ tịch của cấp có thẩm quyền thì các cơ quan có thẩm quyền chỉnh lý sổ hộ khẩu, chứng minh nhân dân, học bạ, văn bằng, giấy chứng nhận kết hôn, giấy khai tử... cho phù hợp với quyết định cải chính hộ tịch.

Chương III

THẨM QUYỀN, THỦ TỤC ĐĂNG KÝ VIỆC THAY ĐỔI, CẢI CHÍNH HỘ TỊCH, XÁC ĐỊNH LẠI DÂN TỘC, XÁC ĐỊNH LẠI GIỚI TÍNH, BỔ SUNG HỘ TỊCH, ĐIỀU CHỈNH HỘ TỊCH

Điều 11. Thẩm quyền thay đổi, cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc, xác định lại giới tính, bổ sung hộ tịch, điều chỉnh hộ tịch

1. Ủy ban nhân dân cấp xã:

Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đã đăng ký khai sinh trước đây có thẩm quyền giải quyết việc thay đổi, cải chính hộ tịch cho người dưới 14 tuổi; bổ sung hộ tịch và điều chỉnh hộ tịch cho mọi trường hợp, không phân biệt độ tuổi.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện:

Ủy ban nhân dân cấp huyện, mà trong địa hạt của huyện đó đương sự đã đăng ký khai sinh trước đây, có thẩm quyền giải quyết việc thay đổi, cải chính hộ tịch cho người từ đủ 14 tuổi trở lên và xác định lại dân tộc, xác định lại giới tính, bổ sung hộ tịch, điều chỉnh hộ tịch cho mọi trường hợp, không phân biệt độ tuổi.

3. Sở Tư pháp:

a) Sở Tư pháp mà trong địa hạt của thành phố trước đây đương sự đã đăng ký hộ tịch có thẩm quyền giải quyết việc thay đổi, cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc, xác định lại giới tính, bổ sung hộ tịch, điều chỉnh hộ tịch cho công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài, người nước ngoài và người không quốc tịch trong các trường hợp sau:

- Các quy định về thay đổi, cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc, xác định lại giới tính, bổ sung hộ tịch, điều chỉnh hộ tịch tại Chương II của Quy định này cũng được áp dụng đối với công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài, mà trước đây đã đăng ký hộ tịch trước cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam;

- Các quy định về cải chính hộ tịch, xác định lại giới tính, bổ sung hộ tịch, điều chỉnh hộ tịch tại Chương II của Quy định này cũng được áp dụng đối với người nước ngoài trước đây đã đăng ký hộ tịch trước cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.

b) Đối với việc giải quyết cải chính hộ tịch, xác định lại giới tính, bổ sung hộ tịch, điều chỉnh hộ tịch cho người nước ngoài hoặc người không quốc tịch cư trú ổn định lâu dài tại Việt Nam mà đã đăng ký hộ tịch tại Ủy ban nhân dân cấp xã theo Nghị định 158/2005/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch, thì được thực hiện như đối với công dân Việt Nam ở trong nước.

Điều 12. Phối hợp giữa Ủy ban nhân dân cấp xã, huyện và các cơ quan Tư pháp (cấp xã, huyện và thành phố) trong việc thay đổi, cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc, xác định lại giới tính, bổ sung hộ tịch, điều chỉnh hộ tịch.

1. Khi công dân có yêu cầu về thay đổi, cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc, xác định lại giới tính, bổ sung hộ tịch, điều chỉnh hộ tịch mà việc giải quyết các yêu cầu đó cần các thông tin trong sổ hộ tịch đang lưu tại Sở Tư pháp thì Sở Tư pháp có trách nhiệm tạo điều kiện cho Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc cấp xã thực hiện thẩm quyền của mình theo đúng quy định tại Nghị định số 158/2005/NĐ-CP, như sau:

a) Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc cấp xã có công văn đề nghị Sở Tư pháp cung cấp thông tin trong sổ hộ tịch lưu tại Sở Tư pháp; Sở Tư pháp cung cấp thông tin theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc cấp xã bằng cách gửi trang sao chụp sổ lưu hoặc trích lục thông tin trả lời bằng văn bản cho Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc cấp xã;

b) Sau khi đã giải quyết việc thay đổi, cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc, xác định lại giới tính, bổ sung hộ tịch, điều chỉnh hộ tịch, Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc cấp xã thông báo cho Sở Tư pháp để ghi chú vào sổ đăng ký hộ tịch lưu tại Sở Tư pháp.

2. Đối với cơ quan Tư pháp cấp xã và huyện khi cần thông tin để giải quyết việc thay đổi, cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc, xác định lại giới tính, bổ sung hộ tịch, điều chỉnh hộ tịch thì cũng áp dụng theo khoản 1 Điều này.

Điều 13. Thủ tục đăng ký việc thay đổi, cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc, xác định lại giới tính, bổ sung hộ tịch, điều chỉnh hộ tịch

1. Người yêu cầu thay đổi, cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc, xác định lại giới tính, bổ sung hộ tịch phải nộp Tờ khai (theo mẫu quy định), xuất trình bản chính Giấy khai sinh của người cần thay đổi, cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc, xác định lại giới tính, bổ sung hộ tịch và các giấy tờ có liên quan để làm căn cứ cho việc thay đổi, cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc, xác định lại giới tính, bổ sung hộ tịch:

- Đối với trường hợp xác định lại giới tính, thì văn bản kết luận của tổ chức y tế đã tiến hành can thiệp để xác định lại giới tính là căn cứ cho việc xác định lại giới tính;

- Việc thay đổi, cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc, xác định lại giới tính, bổ sung hộ tịch cho người chưa thành niên hoặc người mất năng lực hành vi dân sự được thực hiện theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc người giám hộ;

- Đối với việc thay đổi họ, tên cho người từ đủ 09 tuổi trở lên và xác định lại dân tộc cho người chưa thành niên từ đủ 15 tuổi trở lên, thì phải có sự đồng ý của người đó.

2. Người yêu cầu thay đổi, cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc, xác định lại giới tính, bổ sung hộ tịch phải xuất trình bản chính giấy khai sinh theo quy định. Trong trường hợp bản chính giấy khai sinh bị mất, thì yêu cầu cơ quan Tư pháp lập thủ tục cấp lại bản chính giấy khai sinh, sau đó mới yêu cầu thay đổi, cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc, xác định lại giới tính, bổ sung hộ tịch.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ giấy tờ hợp lệ, nếu việc thay đổi, cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc, xác định lại giới tính có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật, thì đương sự được cấp một bản chính Quyết định cho phép thay đổi, cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc, xác định lại giới tính; bản sao Quyết định được cấp theo yêu cầu của đương sự;

Trường hợp cần phải xác minh, thì thời hạn nói trên được kéo dài thêm không quá 05 ngày làm việc.

4. Việc bổ sung hộ tịch và điều chỉnh hộ tịch được giải quyết ngay sau khi nhận đủ giấy tờ hợp lệ.

Điều 14. Lệ phí đăng ký hộ tịch

Cá nhân có yêu cầu thay đổi, cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc, xác định lại giới tính, bổ sung hộ tịch, điều chỉnh hộ tịch phải nộp lệ phí đăng ký hộ tịch theo quy định tại Quyết định số 14/2007/QĐ-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về mức thu lệ phí đăng ký hộ tịch.

Chương IV

XỬ LÝ VI PHẠM VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Xử lý vi phạm đối với cán bộ, công chức có thẩm quyền đăng ký và quản lý hộ tịch

Người có thẩm quyền đăng ký thay đổi, cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc, xác định lại giới tính, bổ sung hộ tịch, điều chỉnh hộ tịch mà thiếu tinh thần trách nhiệm hoặc cố ý làm trái với các quy định pháp luật về hộ tịch và Quy định này, thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm có thể bị kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại, thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Xử lý vi phạm đối với người yêu cầu đăng ký hộ tịch

Người yêu cầu đăng ký thay đổi, cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc, xác định lại giới tính, bổ sung hộ tịch, điều chỉnh hộ tịch mà không thực hiện đúng Quy định này hoặc có hành vi gian dối khi đăng ký thay đổi, cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc, xác định lại giới tính, bổ sung hộ tịch, điều chỉnh hộ tịch thì tùy mức độ vi phạm có thể bị xử phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Điều 17. Trách nhiệm thi hành

Giám đốc Sở Tư pháp có trách nhiệm phối hợp với Giám đốc Công an thành phố, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã và thủ trưởng cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai và thực hiện việc thay đổi, cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc, xác định lại giới tính, bổ sung hộ tịch, điều chỉnh hộ tịch theo Quy định này./.